

Số: **1403**
/QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **23** tháng **6** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam tại Văn bản số 583/NNH-TCCB ngày 11/6/2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PTTg Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Vụ, Tổng cục, Cục;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, TCCB.



Cao Đức Phát

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1403** ~~QĐ~~-BNN-TCCB ngày **23** tháng **6**
năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, bao gồm: Nhiệm vụ và quyền hạn; tổ chức bộ máy quản lý; tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng đào tạo, tài chính, tài sản và đầu tư; mối quan hệ công tác; chế độ làm việc, thông tin, báo cáo; thanh tra và kiểm tra; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với Học viện Nông nghiệp Việt Nam, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây gọi là Học viện) là cơ sở giáo dục đại học công lập, trọng điểm, trong hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tiền thân là Trường Đại học Nông Lâm, thành lập ngày 12 tháng 10 năm 1956 theo Nghị định số 53-NL-QT-NĐ của Bộ Nông Lâm.

2. Tên giao dịch của Học viện:

Tiếng Việt: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tiếng Anh: Vietnam National University of Agriculture (viết tắt là VNUA).

3. Học viện có con dấu và tài khoản riêng.

4. Logo của Học viện: Là hình tròn, nền xanh, bên trong là mười cuốn sách màu vàng hạt thóc, viền màu đất tượng trưng là cánh đồng lúa chín xếp thành hình ngôi sao năm cánh, xung quanh là chữ HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM *1956* màu vàng.

5. Trụ sở chính: Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.



Điều 3. Quản lý nhà nước đối với Học viện

1. Học viện chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và của địa phương nơi có cơ sở của Học viện.

2. Quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Học viện

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện.

b) Phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm của Học viện.

c) Phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định dự án đầu tư, phân bổ ngân sách; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo quy định.

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Học viện, các Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng Học viện; chỉ đạo xây dựng đề án vị trí việc làm; quản lý vị trí việc làm, quyết định phân bổ số lượng người làm việc của Học viện theo quy định.

đ) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Học viện

1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Học viện thực hiện theo các quy định của pháp luật và Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện nông nghiệp Việt Nam.

2. Học viện hoạt động theo Luật giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định pháp luật khác có liên quan; theo Quy chế này và các quy chế, quy định của Học viện.

Điều 5. Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của Học viện

Học viện được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm xã hội theo quy định của pháp luật và Quy chế này về quy hoạch, kế hoạch phát triển Học viện, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự. Cụ thể là:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển Học viện sau khi được phê duyệt.

2. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo; xây dựng hệ thống chuyển đổi tín chỉ với các cơ sở đào tạo khác.

3. Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp, in phôi bằng và cấp văn bằng theo quy định.

4. Huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội; hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định; được quyền khiếu nại, tố cáo và khiếu kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục khi có đủ căn cứ chứng minh là vi phạm.

6. Tham gia tuyển chọn và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước, nước ngoài và các tổ chức quốc tế theo quy định của Chính phủ.

7. Tổ chức bộ máy của Học viện; tuyển dụng, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng, đãi ngộ công chức, viên chức, lao động hợp đồng và định kỳ thực hiện đánh giá công chức, viên chức theo quy định.

8. Báo cáo các hoạt động của Học viện với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

9. Công khai và giải trình với xã hội, các bên liên quan về các hoạt động của Học viện và kết quả của các hoạt động đó; có trách nhiệm thực hiện các cam kết với cơ quan quản lý nhà nước, với các bên liên quan và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động để đạt được các cam kết ấy.

10. Không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của Học viện để tiến hành các hoạt động trái với các quy định của pháp luật và của Quy chế này.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Học viện

1. Hội đồng Học viện.
2. Ban Giám đốc Học viện, gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc.
3. Văn phòng và các Ban/Phòng chức năng.

4. Các Khoa, Viện.
5. Các tổ chức đào tạo và phục vụ đào tạo.
6. Các tổ chức khoa học, công nghệ; cơ sở sản xuất, dịch vụ.
7. Phân hiệu.
8. Văn phòng đại diện.
9. Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Hội đồng tư vấn.

Điều 7. Hội đồng Học viện

1. Hội đồng Học viện là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Học viện do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển Học viện.
- b) Quyết nghị bổ sung, sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện trước khi Giám đốc Học viện trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.
- c) Quyết nghị phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.
- d) Quyết nghị về chủ trương xây dựng bộ máy tổ chức, chủ trương tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng, phương hướng đầu tư phát triển, chủ trương chi tiêu, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.
- đ) Quyết nghị về việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của Học viện.
- e) Giới thiệu nhân sự Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện.
- g) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Học viện, việc thực hiện quy chế công khai, dân chủ trong các hoạt động của Học viện.

3. Thành viên Hội đồng Học viện

- a) Giám đốc, các Phó Giám đốc, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện một số khoa, đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- b) Một số thành viên hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh.

4. Chủ tịch Hội đồng Học viện do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng Học viện như tiêu chuẩn của Giám đốc Học viện.

5. Nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện là 05 năm và theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện.

6. Thủ tục thành lập, số lượng và cơ cấu thành viên của Hội đồng Học viện; nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch, Thư ký Hội đồng Học viện và chế độ làm việc của Hội đồng Học viện theo quy định.

Điều 8. Ban Giám đốc Học viện

1. Ban Giám đốc Học viện gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám đốc

a) Chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chủ trương, phương hướng hoạt động của Học viện và các nhiệm vụ khác theo quy định.

b) Điều hành các hoạt động thường xuyên của Học viện và giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ trường đại học, các quy định pháp luật hiện hành, Quy chế này và các quy định khác của Học viện.

c) Các thành viên Ban Giám đốc chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công.

Điều 9. Giám đốc Học viện

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Học viện, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của Học viện theo quy định của pháp luật và của Quy chế này.

Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Tiêu chuẩn Giám đốc Học viện

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín trong giới khoa học, giáo dục, có năng lực, trình độ lý luận chính trị cao cấp và đã có ít nhất 05 năm tham gia quản lý giáo dục đại học từ cấp khoa, phòng trở lên.

b) Có học vị tiến sĩ, chức danh phó giáo sư trở lên và thông thạo tiếng Anh.

c) Có sức khỏe tốt, độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Học viện

1. Về tổ chức và nhân sự

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại và giải thể các phòng, ban chức năng và tương đương, các khoa, viện, trung tâm và tổ chức có tên gọi khác trực thuộc Học viện trên cơ sở phương án, đề án đã được Bộ trưởng Bộ Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật.

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Học viện tự bảo đảm kinh phí hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

c) Đề nghị thành lập, giải thể phân hiệu, văn phòng đại diện tại Điều 20, Điều 21 Quy chế này theo quy định của pháp luật.

d) Ban hành các quy chế, nội quy, quy định trong nội bộ Học viện.

đ) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và kế toán trưởng của Học viện.

e) Chỉ đạo xây dựng, trình Bộ đề án vị trí việc làm, cơ cấu và số lượng người làm việc; quản lý công chức, viên chức và người lao động của Học viện theo quy định.

g) Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ công chức, viên chức; ban hành các quy định về việc nâng cao trình độ, thực hiện nghĩa vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội của giảng viên; ban hành các quy định về thỉnh giảng; tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ công chức, viên chức; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động của Học viện; tạo điều kiện cho công chức, viên chức và người học tham gia các đoàn thể xã hội.

h) Quyết định việc tuyển dụng, tiếp nhận, quản lý hợp đồng lao động.

i) Tổ chức thi thăng hạng viên chức lên hạng ba; bổ nhiệm vào các hạng viên chức từ hạng hai trở xuống; bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên, phụ cấp nghề đối với công chức, viên chức theo quy định; quyết định kéo dài thời gian làm việc đối với viên chức có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ theo quy định.

k) Quyết định cử công chức, viên chức, lao động hợp đồng đi học tập, công tác ở nước ngoài từ Phó Giám đốc Học viện trở xuống theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp đào tạo nước ngoài bằng học bổng ngân sách nhà nước và tiếp nhận khi học tập, công tác nước ngoài về.

l) Quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, điều động, chuyển chuyên, khen thưởng, kỷ luật viên chức theo quy định.

m) Thực hiện các chế độ chính sách khác đối với người lao động; mời các nhà khoa học, quản lý, chuyên gia có uy tín trong và ngoài nước đến Học viện giảng dạy và nghiên cứu.

n) Bảo đảm quyền lợi người học theo quy định.

o) Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp thu ý kiến và chịu sự giám sát của các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong Học viện.

p) Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn trong Học viện; quản lý sử dụng con dấu của Học viện theo quy định của Pháp luật.

q) Tham gia Hội đồng Hiệu trưởng cùng khối ngành theo quy định.

2. Về hoạt động đào tạo và đảm bảo chất lượng

a) Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo quy định tại Chương V của Quy chế này.

b) Xây dựng, phát triển và công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của Học viện.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng quy định tại Chương VIII của Quy chế này.

3. Về hoạt động khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Tổ chức thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế quy định tại Chương VI và Chương VII của Quy chế này.

b) Quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài và các đoàn nước ngoài đến làm việc với Học viện theo quy định.

4. Về tài chính, tài sản

a) Giám đốc Học viện là chủ tài khoản của Học viện, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của Học viện; thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính; công khai, minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kế toán và kiểm toán.

b) Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng trong Học viện.

5. Về đầu tư phát triển

a) Chỉ đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn và hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quản lý quy hoạch xây dựng Học viện được duyệt; đề xuất và xây dựng các chương trình, dự án đầu tư trình Bộ phê duyệt.

c) Tổ chức quản lý thực hiện các chương trình, dự án đầu tư được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định.

7. Thực hiện các quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng Học viện; cam kết thực hiện mục tiêu hàng năm, báo cáo định kỳ với Hội đồng học viện kết

quả thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc, Ban Giám đốc và giải trình trước Hội đồng Học viện khi có yêu cầu.

8. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Phó Giám đốc Học viện

1. Giúp Giám đốc Học viện có các Phó Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc theo nhiệm kỳ của Giám đốc.

Mỗi Phó Giám đốc được Giám đốc Học viện phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác và đơn vị của Học viện.

2. Số lượng Phó Giám đốc không quá 03 người. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định việc có trên 03 Phó Giám đốc.

3. Phó Giám đốc Học viện phải đạt tiêu chuẩn quy định như Giám đốc Học viện. Trong những trường hợp đặc biệt, có thể xem xét bổ nhiệm Phó Giám đốc đối với người có bằng tiến sĩ, nhưng không giao phụ trách lĩnh vực đào tạo, khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Học viện

a) Giúp Giám đốc Học viện quản lý và điều hành các hoạt động của Học viện; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác và đơn vị theo sự phân công của Giám đốc và giải quyết các công việc do Giám đốc giao.

b) Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về kết quả công việc được giao, phối hợp với các Phó Giám đốc khác để giải quyết các công việc có liên quan theo quy chế làm việc của Học viện.

c) Trường hợp Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm thay mặt Giám đốc giải quyết công việc, Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về công việc được ủy nhiệm.

d) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo với Giám đốc về tình hình công việc được giao.

Điều 12. Văn phòng, các Phòng, Ban chức năng

1. Văn phòng, các Phòng, Ban chức năng của Học viện là đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ tham mưu và giúp Giám đốc trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng nhiệm vụ được Giám đốc Học viện giao.

Số lượng và tên gọi Văn phòng, các Phòng, Ban có thể thay đổi trong quá trình xây dựng và phát triển Học viện.

2. Đứng đầu Văn phòng là Chánh Văn phòng, đứng đầu Phòng là Trưởng phòng, đứng đầu Ban là Trưởng ban (sau đây gọi chung là Trưởng ban). Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các Trưởng ban theo quy định.

Giúp Trưởng ban có các Phó Trưởng ban do Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban; số lượng Phó Trưởng ban không quá 02 người, trường hợp đặc biệt không quá 03 người.

3. Tiêu chuẩn Trưởng ban

Ngoài các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín và có sức khoẻ tốt, Trưởng ban là người đã tốt nghiệp đại học hệ chính quy, tinh thông nghiệp vụ về lĩnh vực chuyên môn của Ban được phân công phụ trách. Trưởng ban của Ban Quản lý đào tạo, Ban Khoa học và Công nghệ, Ban Hợp tác quốc tế phải có học vị tiến sĩ trở lên và thông thạo tiếng Anh. Trưởng ban của Ban Quản lý đào tạo, Ban Khoa học và Công nghệ, Ban Hợp tác quốc tế và Ban Tổ chức cán bộ phải đã từng là giảng viên đại học hoặc đã tham gia giảng dạy đại học ít nhất 05 năm.

4. Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ. Nhiệm kỳ của Trưởng ban theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện và có thể được bổ nhiệm lại. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng ban theo nhiệm kỳ của Trưởng ban và có thể được bổ nhiệm lại.

Quy trình giới thiệu và bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban theo quy định của Học viện.

5. Hàng năm, Giám đốc Học viện đánh giá các Trưởng ban và Phó Trưởng ban về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện có thể lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban. Giám đốc Học viện quyết định thay thế Trưởng ban, Phó Trưởng ban khi không hoàn thành nhiệm vụ.

6. Giám đốc Học viện quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng, Phòng, Ban chức năng.

Điều 13. Khoa, Viện trực thuộc

1. Các Khoa, Viện trực thuộc Học viện (sau đây gọi chung là Khoa) có các nhiệm vụ sau đây:

a) Đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự trong khoa; đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo các trình độ, mở ngành, chuyên ngành đào tạo.

b) Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Học viện.

c) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

d) Tổ chức biên soạn giáo trình, bài giảng, sách tham khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp đánh giá và quản lý để nâng cao chất lượng đào tạo.

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên của khoa có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và hợp lý về cơ cấu; thực hiện quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của khoa.

e) Quản lý công chức, viên chức, người học theo quy định và phân cấp của Học viện.

g) Quản lý nội dung, phương pháp, chất lượng đào tạo; quản lý chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ.

h) Thực hiện các hoạt động hợp tác và đối ngoại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Khoa.

i) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị được giao theo quy định của Nhà nước và của Học viện. Xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy và học, thực hành, thực tập, thí nghiệm và thực nghiệm khoa học.

k) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nghiên cứu viên trong khoa; tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cán bộ quản lý ngang cấp theo quy định của Học viện.

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

Số lượng và tên gọi các khoa, viện có thể thay đổi trong quá trình xây dựng và phát triển Học viện.

2. Khoa có các bộ môn và tương đương. Số lượng các bộ môn và tương đương, số lượng viên chức, hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ và số lượng sinh viên được xác định tùy theo quy mô đào tạo và tính chất chuyên môn của từng khoa.

3. Đứng đầu khoa là Trưởng khoa, đứng đầu viện là Viện trưởng (sau đây gọi chung là Trưởng khoa). Nhiệm kỳ của Trưởng khoa theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Giúp việc Trưởng khoa có các Phó Trưởng khoa (đối với Viện là Phó Viện trưởng), số lượng Phó Trưởng khoa không quá 02 người. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng khoa theo nhiệm kỳ của Trưởng khoa và có thể được bổ nhiệm lại.

Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa là giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý. Trưởng khoa phải có học vị tiến sĩ trở lên (trường hợp đặc biệt có thể có học vị thạc sĩ), thông thạo tiếng Anh. Phó Trưởng khoa phải có học vị thạc sĩ trở lên, riêng Phó Trưởng khoa phụ trách đào tạo, khoa học và công nghệ phải có tiêu chuẩn như Trưởng khoa. Tuổi khi bổ nhiệm lần đầu đối với Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ.

Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa. Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa do Học viện quy định.

Hàng năm, Giám đốc Học viện đánh giá các Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Sau 02 năm kể từ ngày được bổ nhiệm, Giám đốc Học viện tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa. Trường hợp Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa có số phiếu tín nhiệm thấp hơn 50% số người được lấy ý kiến thì sẽ điều chuyển làm nhiệm vụ khác hoặc cho thôi chức vụ. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện có thể tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đột xuất.

4. Giúp việc cho Trưởng khoa, Phó trưởng khoa có các viên chức theo từng nhiệm vụ về tổ chức, đào tạo, khoa học, hợp tác quốc tế, vật tư, văn thư, tư liệu. Các viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách tùy theo quy mô của từng khoa do Học viện quy định.

5. Hội đồng khoa

a) Khoa được tổ chức Hội đồng khoa để tư vấn cho Trưởng khoa thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này, giúp Trưởng khoa quyết định hoặc trình Giám đốc Học viện quyết định theo quy định của Học viện.

b) Hội đồng khoa có số thành viên là số lẻ, từ 7-15 thành viên, gồm: Trưởng khoa, một số Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, một số giảng viên, cán bộ khoa học trong khoa là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa và tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo, Giám đốc Học viện bổ nhiệm các thành viên của Hội đồng khoa.

c) Hội đồng khoa bầu Chủ tịch Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và đa số phiếu. Chủ tịch Hội đồng điều hành Hội đồng khoa thực hiện việc tư vấn và thông qua các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Hội đồng khoa họp ít nhất ba tháng 1 lần do Chủ tịch Hội đồng triệu tập; nội dung cuộc họp phải được thông báo trước ít nhất 07 ngày đến tất cả các thành viên của Hội đồng; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp được thông qua khi có trên 50% số thành viên của Hội đồng khoa biểu quyết tán thành; biên bản của các cuộc họp phải được trình lên Giám đốc Học viện chậm nhất sau 7 ngày.

6. Các khoa được thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tư vấn ngành để tư vấn cho Trường khoa trực tiếp tại các cuộc họp hoặc gián tiếp bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ xã hội, hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho các hoạt động của khoa liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, xã hội và đạt được mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Giám đốc Học viện quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Hội đồng tư vấn ngành.

Điều 14. Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn về đào tạo, khoa học và công nghệ của một hoặc một số ngành, chuyên ngành đào tạo trực thuộc khoa trong Học viện; Trên cơ sở đề nghị của Trường khoa, ý kiến tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo và chấp thuận của Hội đồng Học viện, Giám đốc quyết định việc thành lập, giải thể, chia tách, sáp nhập các bộ môn và quyết định cụ thể về tổ chức và hoạt động của bộ môn theo quy định của Học viện.

2. Nhiệm vụ của Bộ môn

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của các môn học do bộ môn phụ trách trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Học viện và của Khoa.

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến các môn học được Trường khoa và Giám đốc Học viện giao.

c) Nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của Khoa và Học viện; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Học viện; thực hiện dịch vụ xã hội và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn của bộ môn.

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn.

e) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của bộ môn, của khoa, của Học viện theo yêu cầu của Hội đồng Học viện, Giám đốc, Trường khoa.

g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn.

3. Đứng đầu bộ môn là Trưởng bộ môn do Giám đốc Học viện bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trường khoa. Trưởng bộ môn phải là nhà khoa học có uy tín, có bằng tiến sĩ, thông thạo tiếng Anh. Trường hợp đặc biệt có thể bổ nhiệm người có bằng thạc sĩ làm Trưởng bộ môn. Nhiệm kỳ của Trưởng bộ môn theo nhiệm kỳ của Giám đốc và có thể được bổ nhiệm lại. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm Trưởng bộ môn theo quy định của Học viện.

Giúp Trưởng bộ môn có các Phó Trưởng bộ môn do Giám đốc Học viện bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trường bộ môn và Trường khoa, số lượng Phó Trưởng bộ môn không quá hai người. Phó Trưởng bộ môn phải là người có bằng thạc sĩ trở lên, nhiệm kỳ của Phó Trưởng bộ môn theo nhiệm kỳ của Trưởng bộ môn.

Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng bộ môn, Phó Trưởng bộ môn theo quy định của Học viện.

Điều 15. Các đơn vị khác trực thuộc khoa

Các đơn vị khác thuộc khoa, gồm: Văn phòng, phòng thí nghiệm, bệnh viện và tương đương được thành lập theo quyết định của Giám đốc Học viện trên cơ sở đề nghị của Trường khoa và theo quy định của Học viện, có nhiệm vụ phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hoặc dịch vụ.

Điều 16. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các tổ chức dịch vụ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp

1. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển được tổ chức dưới hình thức viện hoặc trung tâm, được thành lập theo quyết định của Giám đốc Học viện, hoạt động theo quy định và có các nhiệm vụ sau:

a) Triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ mũi nhọn hoặc liên ngành, đưa tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ đào tạo, phát triển nông nghiệp, nông thôn và kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, gắn hoạt động khoa học và công nghệ với đào tạo và thực tế sản xuất kinh doanh.

2. Các tổ chức dịch vụ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, các dịch vụ sinh viên.

3. Các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, được tổ chức phù hợp với ngành nghề đào tạo của Học viện, phục vụ cho hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ và đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

4. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng Học viện về kế hoạch phát triển của Học viện, Giám đốc Học viện quyết định việc thành lập, giải thể các tổ

chức nghiên cứu và phát triển, các tổ chức dịch vụ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp theo quy định. Quy trình thành lập, giải thể, bổ nhiệm cán bộ của các đơn vị của điều này theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thư viện, xuất bản và các đơn vị phục vụ khác

1. Học viện có thư viện và các trung tâm thông tin tư liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Thư viện và các trung tâm tư liệu có trách nhiệm quản lý, bổ sung và cung cấp thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực hoạt động của Học viện, thu thập và bảo quản các sách, tạp chí, băng, đĩa, các tài liệu lưu trữ, các luận văn, luận án đã bảo vệ tại Học viện, các ấn phẩm của Học viện. Thư viện và các trung tâm thông tin tư liệu chuyên ngành hoạt động theo quy định của pháp luật và theo quy định của Học viện.

2. Học viện có Nhà xuất bản. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà xuất bản do Giám đốc quyết định phù hợp với pháp luật.

3. Học viện có các đơn vị phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ như: bảo tàng, phòng truyền thống, tổ chức dịch vụ, câu lạc bộ, nhà văn hóa-thể dục thể thao, hệ thống ký túc xá, nhà ăn. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này được xác định trong các quy định của Học viện

4. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng Học viện về kế hoạch phát triển của Học viện, Giám đốc Học viện quyết định việc thành lập, giải thể các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ theo quy định. Quy trình thành lập, giải thể, bổ nhiệm cán bộ của các tổ chức của điều này theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo được thành lập theo quyết định của Giám đốc Học viện.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo là tổ chức tư vấn cho Giám đốc Học viện về:

a) Mục tiêu, định hướng phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, công tác giáo trình, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hoạt động hàng năm về giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ của Học viện.

b) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, công chức, viên chức khác.

c) Trọng tâm đào tạo, đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ chương trình đào tạo của các đơn vị trong Học viện.

d) Báo cáo, giải trình của Giám đốc Học viện.

đ) Đánh giá công tác quản lý, hoạt động giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ của các tổ chức trong Học viện.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện có số thành viên là số lẻ, từ 21 đến 25 thành viên, gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc Học viện, Viện trưởng, Trưởng khoa, Trưởng một số Ban, Giáo sư, một số Phó Giáo sư. Các thành viên Hội đồng được quyền kiến nghị về kế hoạch và nội dung công việc của Hội đồng.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện. Hội đồng bầu Chủ tịch Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và đa số phiếu. Chủ tịch Hội đồng điều hành Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 của Điều này.

4. Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ít nhất 6 tháng một lần do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên của Hội đồng ít nhất 07 ngày. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên của Hội đồng biểu quyết tán thành; biên bản của cuộc họp phải được trình lên Giám đốc Học viện chậm nhất sau 10 ngày.

Số lượng cụ thể về thành viên, tỷ lệ các thành phần và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo do Giám đốc Học viện quy định.

Điều 19. Các Hội đồng tư vấn và Ban công tác

1. Giám đốc Học viện quyết định thành lập Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục của Học viện và một số hội đồng tư vấn, ban công tác khác để tư vấn cho Giám đốc Học viện tổ chức triển khai thực hiện các vấn đề cơ bản, quan trọng về công tác bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của Học viện.

2. Căn cứ các quy định hiện hành, Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên trong Hội đồng tư vấn, Ban công tác theo nhiệm kỳ Giám đốc. Hoạt động của Hội đồng tư vấn, Ban công tác theo nhiệm vụ được Giám đốc phân công và quy định hiện hành.

Điều 20. Phân hiệu

1. Phân hiệu của Học viện là đơn vị phụ thuộc của Học viện, đóng ở tỉnh, thành phố khác (không đóng ở thành phố Hà Nội), chịu sự quản lý hành chính của Ủy ban nhân cấp tỉnh nơi đặt Phân hiệu, không có tư cách pháp nhân riêng, thuộc cơ cấu tổ chức và chịu sự quản lý, thực hiện các nhiệm vụ theo sự điều hành của Học viện; định kỳ báo cáo với Học viện về các hoạt động của Phân hiệu, báo cáo với địa phương về các hoạt động liên quan đến chức năng quản lý của địa phương.

2. Phân hiệu của Học viện do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 21. Văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Học viện, được thành lập theo quy định của pháp luật, để thực hiện các giao dịch phục vụ cho các hoạt động của Học viện; không thực hiện tuyển sinh, không tổ chức hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Văn phòng đại diện của Học viện chịu sự quản lý điều hành của Học viện; chịu sự quản lý hành chính về lãnh thổ của chính quyền địa phương.

3. Thủ tục thành lập Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Học viện được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.

Quan hệ công tác giữa Ban chấp hành Đảng bộ và Ban Giám đốc Học viện thực hiện theo quy định của Ban chấp hành Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ cơ sở trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các Đoàn thể và tổ chức xã hội, gồm: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của mỗi đoàn thể, tổ chức xã hội; chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện và có trách nhiệm góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Học viện.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền của công chức, viên chức

1. Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện các quy chế, nội quy, quy định của Học viện.

3. Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và các công tác được giao.

4. Tham gia góp ý kiến vào việc phát triển Học viện; xây dựng các quy định, quy chế và giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tham gia đánh giá kết quả hoạt động của Học viện và của đơn vị nơi công tác theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định của Học viện.

5. Được hưởng các quyền của công chức, viên chức theo quy định của pháp luật, được tạo các điều kiện cần thiết để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

6. Được đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; được xem xét đề nghị thi đua, khen thưởng theo quy định; được hưởng quyền lợi khác do Học viện quy định và có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này và quy định pháp luật.

Điều 24. Giảng viên

1. Giảng viên của Học viện là những người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, có trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu công việc.

2. Giảng viên là nguồn lực chung của toàn Học viện được tham gia và có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với năng lực chuyên môn.

Giám đốc Học viện quy định cụ thể trình độ chuẩn đối với giảng viên, định mức giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phương thức sử dụng hiệu quả nguồn lực giảng viên để đảm bảo tính liên thông, liên kết trong toàn Học viện.

3. Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu, Học viện còn có giảng viên thỉnh giảng. Tiêu chuẩn của giảng viên thỉnh giảng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Các viên chức và nhân viên khác

Các viên chức và nhân viên khác của Học viện, gồm: Nghiên cứu viên, kỹ sư, chuyên viên, kế toán viên, thư viện viên..., bác sỹ, y tá, nhân viên kỹ thuật và nhân viên phục vụ khác. Tiêu chuẩn của các viên chức và nhân viên thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Học viện theo từng chức danh, ngạch và vị trí cụ thể.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 26. Người học của Học viện

1. Người học của Học viện là sinh viên đang theo học các trình độ đào tạo của Học viện.

2. Người học là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có đủ tiêu chuẩn quy định theo các quy chế tuyển sinh hiện hành được tuyển vào các lớp học, khóa học thuộc các hệ và hình thức đào tạo của Học viện.

Điều 27. Nhiệm vụ của người học

1. Thực hiện nhiệm vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Người học là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật và tôn trọng phong tục tập quán của Việt Nam.

2. Thực hiện các quy chế về đào tạo, công tác sinh viên và các quy định của pháp luật có liên quan đến người học; thực hiện quy chế, nội quy của Học viện.

3. Tôn trọng giảng viên, công chức, viên chức của Học viện; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.

4. Tham gia các hoạt động xã hội, văn thể và các phong trào khác trong Học viện, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội.

5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của Học viện.

6. Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của Học viện.

Điều 28. Quyền của người học

1. Được Học viện tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình.

2. Được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật đối với người học; được Học viện tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, tham gia các hội nghị khoa học, công bố các công trình khoa học và công nghệ trong các ấn phẩm của Học viện.

3. Người học thuộc diện cử tuyển, con em các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, diện chính sách xã hội và các gia đình nghèo được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định.

4. Người học đạt thành tích xuất sắc và có đạo đức tốt được hưởng các điều kiện ưu tiên trong học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định hiện hành.

5. Được cấp văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ sau khi tốt nghiệp hoặc hoàn thành khóa học.

6. Được tham gia các hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Học viện, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật.

7. Được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của Học viện.

8. Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với Học viện các giải pháp góp phần xây dựng Học viện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học.

9. Được tham gia các hoạt động của Hội sinh viên theo quy định tại Điều lệ Hội sinh viên Việt Nam.

Chương V HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 29. Trình độ đào tạo

Học viện được đào tạo trình độ: Cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và bồi dưỡng ngắn hạn.

Điều 30. Mở ngành, chuyên ngành đào tạo

1. Học viện được mở các ngành, chuyên ngành đào tạo có trong danh mục các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà nước khi có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và thực hiện đúng quy trình mở ngành, chuyên ngành đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học viện được đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành đào tạo chưa có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước.

2. Các đơn vị trực thuộc Học viện có nhiệm vụ xây dựng đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị, báo cáo Giám đốc Học viện; tổ chức cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo của đơn vị theo quy định của Học viện.

Điều 31. Chương trình đào tạo, giáo trình

1. Học viện tổ chức phát triển các chương trình đào tạo:

a) Xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; quyết định khối lượng kiến thức, các môn học chung trong chương trình đào tạo của Học viện.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

c) Thường xuyên phát triển chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa; tiếp thu có chọn lọc những chương trình đào tạo của các nước phát triển về khoa học và công nghệ, phù hợp với yêu cầu của đất nước, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội nói chung, của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng.

d) Liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín của nước ngoài theo quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ tổ chức đánh giá các chương trình đào tạo và các học phần, môn học của Học viện để có những điều chỉnh phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của ngành và hội nhập quốc tế. Tham gia đánh giá các chương trình của các cơ sở đào tạo khác theo quy định khi có nhu cầu.

2. Học viện tổ chức biên soạn hoặc tổ chức lựa chọn, duyệt giáo trình các môn học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu chính thức trong Học viện trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Giám đốc Học viện thành lập để đảm bảo có đủ giáo trình giảng dạy, học tập; xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu, trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện về nội dung và phương pháp dạy và học, phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học.

Điều 32. Tuyển sinh

Học viện quyết định về phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Học viện.

Hàng năm, căn cứ vào năng lực của Học viện, nhu cầu nhân lực của xã hội và định hướng đào tạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Học viện xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 33. Tổ chức và quản lý đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo tại Học viện và các cơ sở khác theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có trách nhiệm ban hành quy định về đào tạo phù hợp với mô hình, đặc điểm của Học viện và quy định của pháp luật.

Điều 34. Đánh giá quá trình và kết quả dạy học

1. Học viện tổ chức thực hiện việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội của người học; đánh giá kết quả giảng dạy của giảng viên.

2. Học viện lựa chọn phương pháp, quy trình và xây dựng hệ thống đánh giá bảo đảm khách quan và chính xác, đảm bảo xác định được mức độ tích lũy kiến thức và kỹ năng của người học, xác định được hiệu quả giảng dạy và mức độ phấn đấu, nâng cao trình độ của giảng viên. Việc đánh giá quá trình và kết quả dạy và học được thực hiện theo quy định của Học viện.

Điều 35. Văn bằng, chứng chỉ

1. Học viện được cấp bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ, các chứng chỉ cho người học tại Học viện, phân hiệu, cơ sở liên kết đào tạo với Học viện.

2. Học viện được in phôi bằng, quản lý, cấp, thu hồi, hủy bỏ văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Học viện công bố công khai các thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học trên website của Học viện và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và giá trị văn bằng chứng chỉ do Học viện cấp.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 36. Nội dung hoạt động khoa học công nghệ

1. Thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Nghiên cứu và cung cấp các giải pháp về công nghệ, thiết bị; cây, con giống...có chất lượng cao phục vụ xã hội nói chung và ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng.

3. Xây dựng các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa cao.

4. Hỗ trợ đăng ký và bảo vệ sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Xây dựng các phòng thí nghiệm, các cơ sở nghiên cứu theo chuyên ngành, liên ngành, vừa phục vụ đào tạo vừa phục vụ nghiên cứu khoa học.

6. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

7. Tham gia tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

8. Xây dựng và ký kết các hợp đồng khoa học và công nghệ; hợp tác nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, địa phương, các tổ chức trong và ngoài nước.

9. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động khoa học công nghệ, trao đổi thông tin khoa học công nghệ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Điều 37. Tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Ban hành quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Học viện.

2. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện.

3. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện, khoa, trung tâm; gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo, nhất là đào tạo bậc sau đại học.

4. Học viện chịu trách nhiệm trước Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ được giao.

5. Học viện được đề xuất thí điểm mô hình, cơ chế quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan.

6. Tổ chức huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng và triển khai hoạt động của các quỹ khoa học và công nghệ, hỗ trợ khả năng sáng tạo, phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ hoàn chỉnh, phát triển tài năng trẻ.

7. Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc.

8. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện và của các tổ chức trực thuộc.

9. Xây dựng hệ thống thông tin, thư viện và cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện.

Chương VII

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 38. Nội dung hợp tác quốc tế

1. Liên kết đào tạo.
2. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.
3. Tư vấn, tài trợ và đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị cho Học viện.
4. Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ quản lý.
5. Trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và người học.
6. Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu về hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ.
7. Tạo nguồn học bổng cho cán bộ và người học.
8. Tham gia các mạng lưới và diễn đàn giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ của khu vực và quốc tế.

Điều 39. Quản lý hợp tác quốc tế

1. Xây dựng và ban hành quy định về quản lý công tác hợp tác quốc tế của Học viện phù hợp với quy định của pháp luật; tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động hợp tác quốc tế.
2. Xây dựng và thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế dài hạn và hàng năm của Học viện.
3. Ký kết các văn bản hợp tác với các trường đại học nước ngoài, các tổ chức khoa học và công nghệ, giáo dục quốc tế; tổ chức xây dựng dự án, đàm phán, ký kết và triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo quy định.
4. Phê duyệt và giám sát các dự án, chương trình hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo với nước ngoài của Học viện và của các đơn vị trực thuộc theo quy định pháp luật; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về giáo dục và nghiên cứu khoa học theo quy định pháp luật.
5. Quản lý các dự án sử dụng ngân sách của Nhà nước và nguồn vốn ODA theo quy định của pháp luật; tạo cơ chế phối hợp đẩy mạnh liên thông, liên kết giữa các đơn vị trực thuộc Học viện trong hợp tác quốc tế.
6. Trực tiếp làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về xuất cảnh, nhập cảnh cho công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Học viện và khách nước

ngoài do Học viện mời. Mời người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến công tác, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Học viện theo quy định của pháp luật.

7. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức liên quan để triển khai hiệu quả và bảo đảm an ninh chính trị nội bộ trong các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện. Học viện có trách nhiệm quản lý các đoàn vào, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc với Học viện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐẢM BẢO VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Điều 40. Nội dung hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng

1. Tổ chức các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong Học viện theo quy định.
2. Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định Học viện.
3. Công bố công khai các kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo.
4. Thực hiện kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém về chất lượng đào tạo của Học viện sau khi được kiểm định và công bố công khai kế hoạch đó.
5. Tham gia các hoạt động đánh giá ở trong nước và quốc tế.

Điều 41. Quản lý hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng

1. Thành lập đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.
2. Ban hành các quy định và hướng dẫn sử dụng nội bộ về tiêu chí đánh giá, bảo đảm chất lượng đào tạo phù hợp với đặc thù và yêu cầu chất lượng cao của Học viện theo các tiêu chuẩn, tiêu chí quốc gia và quốc tế.
3. Xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo đảm chất lượng bên trong; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Học viện triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chiến lược và kế hoạch này trong toàn Học viện.
4. Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng trong toàn Học viện; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Học viện thực hiện các nhiệm vụ về kiểm định chất lượng theo kế hoạch đã ban hành và quy định; hỗ trợ các đơn vị đăng ký đánh giá và kiểm định chất lượng tại các tổ chức kiểm định chất lượng có uy tín trong và ngoài nước.
5. Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực về bảo đảm chất lượng giáo dục, đo lường và đánh giá trong giáo dục; nghiên cứu và áp dụng những thành tựu

mới trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục, đo lường và đánh giá trong giáo dục của các nước tiên tiến, từ đó nâng cao chất lượng mọi hoạt động trong Học viện.

Chương IX

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ

Điều 42. Tài sản, nguồn tài chính và nội dung chi

1. Tài sản

Tài sản của Học viện gồm đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng; tài sản có được từ hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ; các thiết bị và tài sản khác được Nhà nước giao hoặc do Học viện tự mua sắm; các khoản tiền có được từ ngân sách Nhà nước, học phí, lệ phí, hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh dịch vụ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân; các khoản biếu tặng, tài trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của Học viện gồm ngân sách Nhà nước cấp; nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp; nguồn viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung chi

Chi thường xuyên và chi không thường xuyên phục vụ cho hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ; chi vốn đối ứng thực hiện các dự án trong và ngoài nước; chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ; chi đầu tư phát triển;...và chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Quản lý tài chính, tài sản, đầu tư

1. Học viện áp dụng quy định về tài chính, được quyền tự chủ trong các hoạt động về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn, phân cấp của Bộ.

2. Học viện là đơn vị dự toán cấp II, nhận dự toán ngân sách hàng năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao và thực hiện quản lý thống nhất việc phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị thuộc Học viện theo quy định hiện hành.

3. Học viện thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, xét duyệt, thẩm tra quyết toán theo quy định của pháp luật.

4. Học viện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác liên quan đến tài chính, đất đai, tài sản áp dụng trong Học viện.

5. Học viện quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc để sử dụng nguồn tài chính đúng quy định của pháp luật; chủ động huy động các nguồn tài chính để tăng thêm nguồn thu sự nghiệp của Học viện theo quy định của pháp luật; quản trị cơ sở dữ liệu tài chính thống nhất trong toàn Học viện.

6. Thực hiện công khai tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

7. Công tác đầu tư, mua sắm thiết bị, xây dựng cơ bản của Học viện thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Học viện là chủ đầu tư hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị trong Học viện có đủ điều kiện, năng lực theo quy định làm chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

9. Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm bằng nguồn ngân sách cấp, dự án sử dụng kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của Học viện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

10. Học viện xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, quản lý và điều phối cơ sở vật chất kỹ thuật trong Học viện.

11. Chỉ đạo thống nhất quản lý, phát triển đồng bộ, khai thác dùng chung cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu tích hợp phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và quản lý trong toàn Học viện.

12. Thực hiện xã hội hóa hoạt động xây dựng và phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Học viện; chỉ đạo tăng cường hợp tác giữa các đơn vị trong Học viện, bảo đảm nâng cao hiệu quả và công suất sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Chương X

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 44. Chế độ quản lý điều hành

1. Đảng bộ Học viện lãnh đạo trực tiếp và toàn diện các hoạt động của Học viện theo quy định.

2. Hội đồng Học viện hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

3. Giám đốc Học viện làm việc theo chế độ thủ trưởng.

4. Trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện giúp Giám đốc Học viện tổ chức triển khai các nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 45. Mối quan hệ giữa Học viện với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Học viện và các đơn vị trực thuộc phối hợp, hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức sự nghiệp khác trong nước để xác định nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; ký kết các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; tư vấn cho các địa phương, doanh nghiệp xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội quan trọng.

2. Các đơn vị trực thuộc chủ động giải quyết các vấn đề của đơn vị; báo cáo kịp thời với Học viện về những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Điều 46. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Học viện thực hiện công khai chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Học viện; hướng dẫn đơn vị trực thuộc thống nhất thực hiện nội dung công khai theo quy định của pháp luật.

2. Học viện và các đơn vị trực thuộc có trang thông tin điện tử công khai các thông tin về tổ chức, hoạt động và chịu trách nhiệm về các thông tin đã đăng tải.

3. Học viện thực hiện công tác thống kê, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và địa phương nơi Học viện đặt Phân hiệu, Văn phòng đại diện theo quy định.

4. Các đơn vị trực thuộc Học viện có trách nhiệm xây dựng, quản lý và sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu tích hợp về tổ chức, nhân sự, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, tài chính, cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Học viện.

Chương XI

**THANH TRA, KIỂM TRA,
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 47. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm tra Học viện theo phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

2. Học viện tự tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các đơn vị trực thuộc Học viện tự tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lắng nghe ý kiến theo quy định của pháp luật và của Học viện.

Điều 48. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân công chức, viên chức, người lao động và người học của Học viện có thành tích xuất sắc trong công tác và học tập được khen thưởng theo quy định.

Điều 49. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân công chức, viên chức, người lao động và người học của Học viện vi phạm các quy định của pháp luật và Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 51. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Học viện căn cứ Quy chế này để tổ chức thực hiện và cụ thể hóa Quy chế này thành các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế của Học viện.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Giám đốc Học viện báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

BỘ TRƯỞNG



Cao Đức Phát